

Số: 1466 /TB - BVĐKXP

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc bán thanh lý tài sản trang thiết bị công nghệ thông tin năm 2024

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 23/2023/TT-BTC của Bộ tài chính được ban hành ngày 25/04/2023 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào Quyết định số 1653/QĐ-BVĐKXP ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt danh mục thanh lý trang thiết bị công nghệ thông tin trong bệnh viện năm 2024;

Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 198/2024/2412067/TĐG/VCA-CTTĐG phát hành ngày 23 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng thanh lý tài sản trang thiết bị công nghệ thông tin ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc thống nhất phương án thanh lý trang thiết bị công nghệ thông tin năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn;

Căn cứ Quyết định 1682/QĐ-BVĐKXP ngày 23 tháng 12 năm 2024 của



Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn về việc phê duyệt phương án thanh lý trang thiết bị công nghệ thông tin năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn;

Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản như sau:

1. Đơn vị bán tài sản: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn
- Địa chỉ: Số 12 Chu Văn An – Phường Điện Biên – Quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội
2. Tên tài sản, chủng loại, số lượng, chất lượng, giá trị: *Xem phụ lục kèm theo.*
3. Địa điểm, thời gian xem tài sản:

Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn tổ chức xem tài sản thanh lý từ 14 giờ 30 phút ngày 23/12/2024 đến 14 giờ 30 phút ngày 25/12/2024 (02 ngày làm việc) tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.

4. Quy định người không được tham gia mua tài sản:

Đối tượng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 26, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ không được tham gia mua tài sản trên.

5. Thời hạn đăng ký:

Từ 14 giờ 00 phút ngày 23/12/2024 đến 14 giờ 00 phút ngày 27/12/2024 (05 ngày làm việc, trừ thứ 7, chủ nhật) trong giờ hành chính tại Phòng hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

Thời hạn lựa chọn người được quyền mua tài sản: 14 giờ 30 phút ngày 27/12/2024 tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn - Số 12 Chu Văn An – Phường Điện Biên – Quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội.

Những thông tin cần thiết khác:

Người tham gia mua tài sản khi đi đăng ký cần mang theo bản chứng thực căn cước công dân (đối với cá nhân), bản sao công chứng giấy phép đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức, hộ kinh doanh, doanh nghiệp).

Mọi chi tiết xin liên hệ số điện thoại:

Thông báo này thay cho Giấy mời và được đăng tải công khai trên Website Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn./.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (b/c);
- Đăng tải Website Bệnh viện
- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản;
- Lưu: VT, CNTT, KTTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC I: DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH DO PHÒNG CNTT QUẢN LÝ

(Kèm theo Thông báo ~~446~~ ngày 23/12/2024)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chủng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thanh định	Thành tiền thanh định
1	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Nội 1	MVT 255	Máy vi tính để bàn	2014	11,500,000	11,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
2	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Nội 1	MVT 2551	Máy vi tính để bàn	2014	11,500,000	11,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
3	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Nội 1	MVT 2552	Máy vi tính để bàn	2014	11,500,000	11,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
4	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 261	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
5	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 2611	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
6	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 2612	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
7	Bộ máy tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 2613	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
8	Bộ máy tính CPU core i5	Bộ	1	Phòng ban: Quản lý chất lượng	MT 265	Máy vi tính để bàn	2015	18,950,000	18,950,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
9	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Ban giám đốc	MT 264	Máy vi tính để bàn	2015	21,950,000	21,950,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
10	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Mắt	MT 263	Máy vi tính để bàn	2015	10,980,000	10,980,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
11	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 262	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
12	Bộ máy tính để bàn core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa tăng cường ngoại	MVT 2601	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
13	Bộ máy tính để bàn core i3	Bộ	1	Phòng ban: Nội soi	MVT 2602	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
14	Bộ máy tính để bàn core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 260	Máy vi tính để bàn	2015	11,680,000	11,680,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
15	Bộ máy tính để bàn core i5	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm Khoa vi sinh y học	MVT 270	Máy vi tính để bàn	2017	11,950,000	11,950,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
16	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa bóng	MT 27022	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
17	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	MT 27029	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
18	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Chẩn đoán hình ảnh	MT 27030	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
19	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa hồi sức cấp cứu nội	MT 2705	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
20	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Khám Nội khoa	MT 27017	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
21	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	MT 27031	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
22	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Phẫu thuật lồng ngực	MT 27020	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
23	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Phẫu thuật lồng ngực	MT 2707	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
24	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Phẫu thuật thần kinh	MT 2702	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
25	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa PT tạo hình	MT 27021	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
26	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Răng hàm mặt	MT 2706	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
27	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Khoa tăng cường ngoại	MT 27019	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
28	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Nội soi	MT 27024	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
29	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng chỉ đạo tuyến	MT 27034	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
30	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 270	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
31	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 2701	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
32	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 27010	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

8
2023

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCD	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCD	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
33	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 27011	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
34	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 27012	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
35	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 27013	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
36	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 27023	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
37	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 2708	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
38	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 2709	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
39	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	MT 27025	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
40	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	MT 2703	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
41	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MT 27027	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
42	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MT 27014	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
43	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MT 27018	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
44	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MT 27026	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
45	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MT 27032	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
46	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	MT 27015	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
47	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	MT 27016	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
48	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	MT 27033	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
49	Bộ máy vi tính FPT để bàn	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	MT 2704	Máy vi tính để bàn	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

01/23

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
50	Bộ máy vi tính FPT để bán	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MT 27028	Máy vi tính để bán	2016	11,352,000	11,352,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
51	Dàn âm ly Poway	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK27	Thiết bị âm thanh	1996	19,000,000	19,000,000	0	Bán chi định	71,300	71,300
52	Hệ thống camera	HT	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK 204	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	2016	38,657,300	38,657,300	0	Bán chi định	99,900	99,900
53	Hệ thống chấm công nhà A1	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK724	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	91,415,520	91,415,520	0	Bán chi định	71,600	71,600
54	Hệ thống chấm công nhà nội	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK725	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	65,555,520	65,555,520	0	Bán chi định	71,600	71,600
55	Hệ thống chấm công tại khoa cấp cứu	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK827	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	24,882,000	24,882,000	0	Bán chi định	71,600	71,600
56	Hệ thống chấm công tầng 2 nhà C khoa nhi	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK1000	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	38,032,500	38,032,500	0	Bán chi định	71,600	71,600
57	Hệ thống chờ khám tầng 1 nhà A1	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK 474	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	80,391,960	80,391,960	0	Bán chi định	71,600	71,600
58	Hệ thống chờ khám tầng 2 nhà A1	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK687	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	63,667,340	63,667,340	0	Bán chi định	71,600	71,600
59	Hệ thống lấy số tự động tại phòng Xquang	HT	1	Phòng ban: Khoa Chẩn đoán hình ảnh	TBK735	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	66,030,000	66,030,000	0	Bán chi định	71,600	71,600
60	Hệ thống máy lấy số tự động khu đón tiếp nhà A1	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK825	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	51,940,000	51,940,000	0	Bán chi định	71,600	71,600
61	Hệ thống máy lấy số tự động phòng siêu âm nhà A1	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK826	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	67,460,000	67,460,000	0	Bán chi định	71,600	71,600
62	Hệ thống xếp hàng tự động tại tầng 2 nhà A1	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK682	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	2018	72,740,000	72,740,000	0	Bán chi định	71,600	71,600
63	Hệ thống xếp hàng tự động theo số thứ tự lẻ	HT	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK681	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	2018	74,830,000	74,830,000	0	Bán chi định	71,600	71,600
64	Máy chiếu đa năng Mitsubishi	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK135	Máy chiếu	2006	22,050,000	22,050,000	0	Bán chi định	28,700	28,700
65	Máy chiếu đa năng Mutsubishi	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	TBK134	Máy chiếu	2009	54,160,000	54,160,000	0	Bán chi định	28,700	28,700
66	Máy chiếu đa năng U2813	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK136	Máy chiếu	2002	60,514,000	60,514,000	0	Bán chi định	28,700	28,700

2/4

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCD	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCD	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thanh định	Thành tiền thanh định
67	Máy chiếu KTS Mitsubishi	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK140	Máy chiếu	2008	32,800,000	32,800,000	0	Bán chi định	28,700	28,700
68	Máy chiếu Mitsubishi	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK139	Máy chiếu	2004	64,775,700	64,775,700	0	Bán chi định	28,700	28,700
69	Máy chiếu Sony	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK833	Máy chiếu	2018	27,800,000	27,800,000	0	Bán chi định	28,700	28,700
70	Máy chiếu Sony DX11	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng khám cận bộ	BBVCSSK_TS_030	Máy chiếu	2019	27,140,000	27,140,000	0	Bán chi định	28,700	28,700
71	Máy chủ Dell PowerEdge	Chiếc	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	MT 267	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	2015	93,687,059	93,687,059	0	Bán chi định	109,300	109,300
72	Máy chủ IBM3650	Chiếc	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	MVT 223	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	2013	134,512,900	134,512,900	0	Bán chi định	109,300	109,300
73	Máy chủ IBM3650	Chiếc	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	MVT 2231	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	2013	134,512,900	134,512,900	0	Bán chi định	109,300	109,300
74	Máy Fax Canon -	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	FAX02	Máy fax	2003	13,486,000	13,486,000	0	Bán chi định	51,600	51,600
75	Máy in A3 canon	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MI 56	Máy in	2015	18,900,000	18,900,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
76	Máy in đa năng	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng chỉ đạo tuyến	MI 57	Máy in	2016	16,250,000	16,250,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
77	Máy in LASJEET HP 5200	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MI20	Máy in	2007	24,580,000	24,580,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
78	Máy in LASJEET 5100 A3	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MI07	Máy in	2005	28,582,200	28,582,200	0	Bán chi định	72,700	72,700
79	Máy in LASJEET 5200	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MI06	Máy in	2008	25,216,000	25,216,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
80	Máy in LASJEET HP 5200	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MI26	Máy in	2008	34,435,000	34,435,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
81	Máy in và đọc mã vạch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MI24	Máy in	2008	26,898,250	26,898,250	0	Bán chi định	72,700	72,700
82	Máy in và đọc mã vạch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MI25	Máy in	2008	26,898,250	26,898,250	0	Bán chi định	72,700	72,700
83	Máy photo copy Gestetner MP 2501L	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS_031	Máy photocopy	2019	71,340,000	71,340,000	0	Bán chi định	234,200	234,200

5
220

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
84	Máy photocopy Gestetner MP4054	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	FOTO05	Máy photocopy	2015	99,900,000	99,900,000	0	Bán chi định	234,200	234,200
85	Máy photocopy SHARP	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	FOTO03	Máy photocopy	2008	63,632,300	63,632,300	0	Bán chi định	234,200	234,200
86	Máy photocopy Xerox Docucenter	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	FOTO07	Máy photocopy	2016	79,450,000	79,450,000	0	Bán chi định	234,200	234,200
87	Máy photocoppy XEROX 4000	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	FOTO04	Máy photocopy	2008	99,880,000	99,880,000	0	Bán chi định	234,200	234,200
88	Máy scan 2 mặt	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	FOTO06	Máy scan	2016	18,800,000	18,800,000	0	Bán chi định	33,200	33,200
89	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	MVT186	Máy vi tính để bàn	2009	14,900,000	14,900,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
90	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	MVT115	Máy vi tính để bàn	2008	11,205,000	11,205,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
91	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	MVT118	Máy vi tính để bàn	2008	11,205,000	11,205,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
92	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	MVT126	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
93	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT116	Máy vi tính để bàn	2008	11,205,000	11,205,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
94	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT117	Máy vi tính để bàn	2008	11,205,000	11,205,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
95	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT119	Máy vi tính để bàn	2008	11,184,000	11,184,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
96	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT120	Máy vi tính để bàn	2008	11,184,000	11,184,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
97	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT123	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
98	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT124	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
99	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT127	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
100	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT129	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

6
2010

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
101	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa vi sinh y học	MVT125	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
102	Máy tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa vi sinh y học	MVT128	Máy vi tính để bàn	2008	11,191,000	11,191,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
103	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 269	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
104	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2691	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
105	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2692	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
106	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2693	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
107	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2694	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
108	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2695	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
109	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2696	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
110	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2697	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
111	Máy tính bán viện trợ	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT 2698	Máy vi tính để bàn	2015	14,743,812	14,743,812	0	Bán chi định	61,900	61,900
112	Máy tính chủ	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT121	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	2008	14,368,000	14,368,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
113	Máy tính chủ HP Proliant ML 150Gs	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 001	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	2019	57,100,000	57,100,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
114	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Chẩn thương chỉnh hình_Phòng Bật	TBK852	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
115	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK854	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
116	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK855	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
117	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Khám ngoại	TBK839	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

✓

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCD	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCD	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
118	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Khám Nhi	TBK837	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
119	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Khoa nội tim mạch	TBK851	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
120	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Khoa phục hồi chức năng	TBK853	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
121	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	TBK862	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
122	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	TBK864	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
123	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	TBK858	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
124	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	TBK859	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
125	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng khám cán bộ	TBK847	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
126	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK843	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
127	Máy tính để bàn Acer Vertion M263	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK844	Máy vi tính để bàn	2018	14,200,000	14,200,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
128	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK934	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
129	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK935	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
130	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK944	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
131	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK945	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
132	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK946	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
133	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK948	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
134	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK949	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

2028

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
135	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK950	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
136	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK953	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
137	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK956	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
138	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK957	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
139	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK959	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
140	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK961	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
141	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK965	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
142	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Công tác xã hội	TBK947	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
143	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	TBK925	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
144	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa dược	TBK933	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
145	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa dược	TBK940	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
146	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa I	TBK937	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
147	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Khám bệnh (KB)	TBK973	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
148	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	TBK967	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
149	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	TBK968	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
150	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Nội I	TBK974	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
151	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Răng hàm mặt	TBK979	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

2/12/2018

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
152	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Răng hàm mặt	TBK980	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
153	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Tai mũi họng	TBK983	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
154	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Khoa tăng cường nhĩ	TBK987	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
155	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK969	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
156	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK971	Máy vi tính để bàn	2018	14,260,000	14,260,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
157	Máy tính IBM	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT122	Máy vi tính để bàn	2008	59,024,000	59,024,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
158	Máy tính Lenovo	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	MVT246	Máy vi tính để bàn	2011	14,929,000	14,929,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
159	Máy tính xách tay Dell Latitude	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MT 268	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2015	21,709,393	21,709,393	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
160	Máy tính xách tay Dell	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng chỉ đạo tuyến	MVT 193	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2016	14,590,000	14,590,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
161	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Công tác xã hội	TBK874	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
162	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Công tác xã hội	TBK887	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
163	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Công tác xã hội	TBK888	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
164	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Công tác xã hội	TBK910	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
165	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	TBK879	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
166	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	TBK881	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
167	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	TBK911	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
168	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	TBK912	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
169	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa cấp cứu	TBK913	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
170	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa dược	TBK882	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
171	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa H	TBK877	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
172	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa Khám bệnh (KB)	TBK884	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
173	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	TBK875	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
174	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Điều dưỡng	TBK916	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
175	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	TBK903	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
176	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	TBK917	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
177	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	TBK918	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
178	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK919	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
179	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK920	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
180	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK921	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
181	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	TBK922	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
182	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	TBK895	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
183	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	TBK896	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
184	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	TBK923	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
185	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	TBK924	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000

17/12/17

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bản giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
186	Máy tính xách tay Acer TMP259-G2-M	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	TBK876	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2018	13,200,000	13,200,000	0	Bán chi định	46,000	46,000
187	Máy tính xách tay notebook HP	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS_014	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2019	12,499,200	12,499,200	0	Bán chi định	46,000	46,000
188	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Ban giám đốc	MVT22227	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
189	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Ban giám đốc	MVT225	Máy vi tính để bàn	2014	12,500,000	12,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
190	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Chẩn đoán hình ảnh	MVT231	Máy vi tính để bàn	2014	21,500,000	21,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
191	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Chẩn đoán hình ảnh	MVT253	Máy vi tính để bàn	2011	10,380,000	10,380,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
192	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Đ	MVT254	Máy vi tính để bàn	2011	11,380,000	11,380,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
193	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa dược	MVT22221	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
194	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa dược	MVT22222	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
195	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa hồi sức cấp cứu nội	MVT2229	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
196	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa ngoại tiêu hóa	MVT2223	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
197	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Nội 1	MVT2228	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
198	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Nội 2	MVT22210	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
199	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa tăng cường ngoại	MVT22223	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
200	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Khoa tiết niệu	MVT53	Máy vi tính để bàn	2004	16,093,968	16,093,968	0	Bán chi định	61,900	61,900
201	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Nhà thuốc bệnh nhân	MVT85	Máy vi tính để bàn	2006	11,061,000	11,061,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
202	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Nhà thuốc bệnh nhân	MVT86	Máy vi tính để bàn	2006	11,061,000	11,061,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

12/12

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCD	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCD	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
203	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng chỉ đạo tuyến	MVT22220	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
204	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 003	Máy vi tính để bàn	2019	10,815,000	10,815,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
205	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 004	Máy vi tính để bàn	2019	10,815,000	10,815,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
206	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT22226	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
207	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT22228	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
208	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT22229	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
209	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT22230	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
210	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT22231	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
211	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Điều dưỡng	MVT22211	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
212	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	MVT2511	Máy vi tính để bàn	2011	10,800,000	10,800,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
213	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT 221	Máy vi tính để bàn	2013	10,800,000	10,800,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
214	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT 2211	Máy vi tính để bàn	2013	10,800,000	10,800,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
215	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT193	Máy vi tính để bàn	2010	11,500,000	11,500,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
216	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT194	Máy vi tính để bàn	2010	11,500,000	11,500,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
217	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT2221	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
218	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT22212	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
219	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT22213	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

2021-13
2

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng hoạch tổng hợp	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/hàng giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
220	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT22214	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
221	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT22216	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
222	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT22217	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
223	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Kế hoạch tổng hợp	MVT22224	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
224	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng mở	MVT2222	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
225	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT195	Máy vi tính để bàn	2010	10,790,000	10,790,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
226	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT196	Máy vi tính để bàn	2010	10,790,000	10,790,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
227	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT197	Máy vi tính để bàn	2010	10,790,000	10,790,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
228	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT22215	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
229	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT22218	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
230	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT22219	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
231	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT22225	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
232	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT2224	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
233	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT2225	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
234	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT2226	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
235	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT2227	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
236	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT230	Máy vi tính để bàn	2014	11,900,000	11,900,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

8
14

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/hàng giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
237	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT232	Máy vi tính để bàn	2014	13,700,000	13,700,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
238	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT2521	Máy vi tính để bàn	2011	10,300,000	10,300,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
239	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	MVT222	Máy vi tính để bàn	2013	10,956,000	10,956,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
240	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Phòng tổ chức cán bộ	MVT251	Máy vi tính để bàn	2011	10,800,000	10,800,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
241	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa Giải phẫu bệnh lý	MVT57	Máy vi tính để bàn	2004	10,244,000	10,244,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
242	Máy vi tính	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa vi sinh y học	MVT252	Máy vi tính để bàn	2011	10,300,000	10,300,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
243	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT199	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
244	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT200	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
245	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT201	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
246	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT202	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
247	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT203	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
248	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT204	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
249	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT206	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
250	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT207	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
251	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT209	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
252	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT210	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
253	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT211	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

2/4/15

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khóa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
254	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT212	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
255	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT213	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
256	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT214	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
257	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT215	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
258	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT216	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
259	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT217	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
260	Máy vi tính 82010	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT218	Máy vi tính để bàn	2010	12,315,000	12,315,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
261	Máy vi tính để bàn HP 2310	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 002	Máy vi tính để bàn	2019	10,815,000	10,815,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
262	Máy vi tính - Quý	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT83	Máy vi tính để bàn	2005	15,369,000	15,369,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
263	Máy vi tính + máy quét 2004	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	MVT73	Máy vi tính để bàn	2004	36,210,000	36,210,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
264	Máy vi tính 2004	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT74	Máy vi tính để bàn	2004	16,577,000	16,577,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
265	Máy vi tính 2004 Hùng	Bộ	1	Phòng ban: Phòng vật tư	MVT67	Máy vi tính để bàn	2004	16,385,000	16,385,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
266	Máy vi tính 2005	Bộ	1	Phòng ban: Phòng hành chính quản trị	MVT77	Máy vi tính để bàn	2005	41,060,200	41,060,200	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
267	Máy vi tính 2007	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT96	Máy vi tính để bàn	2007	10,552,000	10,552,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
268	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 007	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,769	19,056,769	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
269	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 008	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,769	19,056,769	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
270	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 009	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,769	19,056,769	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
271	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 010	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,769	19,056,769	0	Bán chi định	61,900	61,900
272	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 011	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,769	19,056,769	0	Bán chi định	61,900	61,900
273	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 012	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,770	19,056,770	0	Bán chi định	61,900	61,900
274	Máy vi tính CMS (CNTT)	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS 013	Máy vi tính để bàn	2019	19,056,770	19,056,770	0	Bán chi định	61,900	61,900
275	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa dược	MVT 256	Máy vi tính để bàn	2014	23,720,000	23,720,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
276	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa hồi sức cấp cứu nội	MT 259	Máy vi tính để bàn	2014	11,860,000	11,860,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
277	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Khám Nội khoa	MVT 2561	Máy vi tính để bàn	2014	23,720,000	23,720,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
278	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Khoa tăng cường ngoại	MVT 25531	Máy vi tính để bàn	2014	11,500,000	11,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
279	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng chỉ đạo tuyến	MVT 2553	Máy vi tính để bàn	2014	11,500,000	11,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
280	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MT 2591	Máy vi tính để bàn	2014	11,860,000	11,860,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
281	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 25532	Máy vi tính để bàn	2014	11,500,000	11,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
282	Máy vi tính core i3	Bộ	1	Phòng ban: Phòng vật tư	MVT 258	Máy vi tính để bàn	2014	34,500,000	34,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
283	Máy vi tính core i5	Bộ	1	Phòng ban: Phòng Tài vụ	MVT 257	Máy vi tính để bàn	2014	13,890,000	13,890,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
284	Máy vi tính để bàn Acer Veriton M263 + Lưu điện 500 VA Hyundai	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TSKTC0001	Máy vi tính để bàn	2018	14,100,000	14,100,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
285	Máy vi tính để bàn Acer Veriton M263 + Lưu điện 500 VA Hyundai	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TSKTC0002	Máy vi tính để bàn	2018	14,100,000	14,100,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
286	Máy vi tính để bàn Acer Veriton M263 + Lưu điện 500 VA Hyundai	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TSKTC0003	Máy vi tính để bàn	2018	14,100,000	14,100,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
287	Máy vi tính để bàn Acer Veriton M263 + Lưu điện 500 VA Hyundai	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TSKTC0004	Máy vi tính để bàn	2018	14,100,000	14,100,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

8
1017

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
288	Máy vi tính để bàn Acer Veriton M263 + Lưu điện 500 VA Hvandai	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TSKTC0005	Máy vi tính để bàn	2018	14,100,000	14,100,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
289	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 287	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
290	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 288	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
291	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 289	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
292	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 290	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
293	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 291	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
294	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 292	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
295	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 293	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
296	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 294	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
297	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 295	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
298	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 296	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
299	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 297	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
300	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 298	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
301	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 299	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
302	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 300	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
303	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 301	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
304	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 302	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

200218

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
305	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 303	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
306	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 304	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
307	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 305	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
308	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 306	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
309	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 307	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
310	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 310	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
311	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 311	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
312	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 312	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
313	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 313	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
314	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội - P.Mổ	MVT 308	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
315	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD TSH	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội - P.Mổ	MVT 309	Máy vi tính để bàn	2017	11,600,000	11,600,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
316	Máy vi tính ĐNA	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT46	Máy vi tính để bàn	2003	16,482,000	16,482,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
317	Máy vi tính ĐNA	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT47	Máy vi tính để bàn	2003	16,482,000	16,482,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
318	Máy vi tính ĐNA	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT48	Máy vi tính để bàn	2003	16,482,000	16,482,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
319	Máy vi tính ĐNA VSYH	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT20	Máy vi tính để bàn	2001	17,621,000	17,621,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
320	Máy vi tính IBM	Bộ	1	Phòng ban: Nhà thuốc bệnh nhân	MVT87	Máy vi tính để bàn	2006	11,063,000	11,063,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
321	Máy vi tính IBM	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT84	Máy vi tính để bàn	2005	14,500,000	14,500,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

20/12/2019

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/hàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
322	Máy vi tính kèm máy in	Bộ	1	Phòng ban: Khoa Đ	MVT13	Máy vi tính để bàn	2001	17,621,204	17,621,204	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
323	Máy vi tính kèm máy in	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	MVT100	Máy vi tính để bàn	2007	15,858,100	15,858,100	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
324	Máy vi tính kèm máy in	Bộ	1	Phòng ban: Trung tâm xét nghiệm_Khoa vi sinh y học	MVT99	Máy vi tính để bàn	2007	15,858,100	15,858,100	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
325	Máy vi tính Pentium 4	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT101	Máy vi tính để bàn	2007	14,133,000	14,133,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
326	Máy vi tính Pentium 4	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT102	Máy vi tính để bàn	2007	14,133,000	14,133,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
327	Máy vi tính Pentium 4	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT103	Máy vi tính để bàn	2007	14,133,000	14,133,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
328	Máy vi tính Pentium 4	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT104	Máy vi tính để bàn	2007	14,133,000	14,133,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
329	Máy vi tính Pentium 4	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT105	Máy vi tính để bàn	2007	14,133,000	14,133,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
330	Máy vi tính Sam Sung DNA	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT42	Máy vi tính để bàn	2003	16,777,000	16,777,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
331	Máy vi tính Sam Sung DNA	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT43	Máy vi tính để bàn	2003	16,777,000	16,777,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
332	Máy vi tính Samsung	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS005	Máy vi tính để bàn	2019	13,760,000	13,760,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
333	Máy vi tính Samsung	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	BBVCSSK_TS006	Máy vi tính để bàn	2019	13,760,000	13,760,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
334	Máy vi tính xách tay LENONVO	Chiếc	1	Phòng ban: Khoa Đ	MVT192	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2008	21,399,000	21,399,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
335	Máy vi tính YTA DNA	Bộ	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	MVT22	Máy vi tính để bàn	2001	17,621,000	17,621,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
336	Thiết bị trang âm	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK25	Thiết bị âm thanh	2003	54,201,000	54,201,000	0	Bán chỉ định	80,800	80,800
337	Thiết bị trang âm	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TBK26	Thiết bị âm thanh	2004	97,086,500	97,086,500	0	Bán chỉ định	80,800	80,800
338	Ti vi LG	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng chỉ đạo tuyên	TV06	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2016	19,800,000	19,800,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600

20
2016

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/hàng giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
339	Tivi vi PANASONIC 29S99	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TV01	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	1999	10,500,000	10,500,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
340	Ti vi Pansonic	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng Khám Nội khoa	TV02	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2013	47,300,000	47,300,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
341	Tivi LG 4K Internet 65 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1015	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	70,785,000	70,785,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
342	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1010	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
343	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1011	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
344	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1012	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
345	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1013	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
346	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1014	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
347	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1017	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
348	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1018	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
349	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1019	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
350	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1020	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
351	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1021	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
352	Tivi LG HD Internet 43 Inch	Chiếc	1	Phòng ban: Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	TBK1022	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2018	16,335,000	16,335,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
353	Tủ 42U đựng máy tính chủ	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TU50	Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	2009	37,796,000	37,796,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
354	Tủ 42U đựng máy tính chủ	Chiếc	1	Phòng ban: Phòng công nghệ thông tin	TU51	Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	2009	37,796,000	37,796,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
TỔNG TSCĐ HỮU HÌNH			354					6,615,445,057	6,615,445,057	0		22,443,500	22,443,500

21
20

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÔNG CỤ DÙNG CỤ DO PHÒNG CNTT QUẢN LÝ

(Kèm theo Thông báo ngày 23/12/2024)

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
1	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Phòng Tài vụ	CCDC16	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
2	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Phòng Khám Nội khoa	CCDC30	Máy vi tính để bàn	2015	8,890,000	8,890,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
3	Bộ máy tính để bàn	Cái	2	Phòng Khám Nội khoa	CCDC25	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	18,700,000	0	Bán chi định	61,900	123,800
4	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Phòng Điều dưỡng	CCDC13	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
5	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Phòng Điều dưỡng	CCDC12	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
6	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Phòng chỉ đạo tuyến	CCDC33	Máy vi tính để bàn	2015	9,990,000	9,990,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
7	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Khoa Răng hàm mặt	CCDC09	Máy vi tính để bàn	2015	9,975,000	9,975,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
8	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Khoa Nội 2	CCDC14	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
9	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	CCDC26	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
10	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC17	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
11	Bộ máy tính để bàn	Cái	3	Khoa dược	CCDC31	Máy vi tính để bàn	2015	8,890,000	26,670,000	0	Bán chi định	61,900	185,700
12	Bộ máy tính để bàn	Cái	5	Khoa dinh dưỡng	CCDC24	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	46,750,000	0	Bán chi định	61,900	309,500
13	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Khoa Chẩn thương chính hình chi dưới và chỉnh hình nhi	CCDC32	Máy vi tính để bàn	2015	8,890,000	8,890,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
14	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	Khoa cấp cứu	CCDC18	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
15	Bộ máy tính để bàn	Cái	1	ĐƠN THẬP NHÂN TẠO	CCDC27	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900

1
2024

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
16	Bộ máy tính để bàn core i3	Bộ	1	Khoa cấp cứu	CCDC701	Máy vi tính để bàn	2017	8,960,000	8,960,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
17	Bộ máy tính để bàn core i3	Bộ	1	Khoa cấp cứu	CCDC700	Máy vi tính để bàn	2017	8,960,000	8,960,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
18	Bộ MT CPU	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC08	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
19	Bộ MT CPU	Cái	1	Khoa Tai mũi họng	CCDC07	Máy vi tính để bàn	2015	9,350,000	9,350,000	0	Bán chi định	61,900	61,900
20	Điện thoại Samsung A71	Cái	1	Đơn nguyên Truyền nhiễm	CNTTCCDC210196	Thiết bị thông tin liên lạc khác	2021	7,400,000	7,400,000	0	Bán chi định	16,900	16,900
21	Loa Bose 101	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC072	Thiết bị âm thanh	2019	721,000	721,000	0	Bán chi định	28,900	28,900
22	Lưu điện máy tính chủ	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC015	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	2019	8,710,000	8,710,000	0	Bán chi định	45,900	45,900
23	Màn chiếu điện Dalite	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC014	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	2019	7,500,000	7,500,000	0	Bán chi định	57,000	57,000
24	Máy chụp ảnh Đức	Cái	1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	CCDC424	Máy ảnh	2015	3,000,000	3,000,000	0	Bán chi định	21,500	21,500
25	máy chụp ảnh KIL	Cái	1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	CCDC421	Máy ảnh	2015	3,000,000	3,000,000	0	Bán chi định	21,500	21,500
26	máy chụp ảnh NIKON	Cái	1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	CCDC420	Máy ảnh	2015	3,000,000	3,000,000	0	Bán chi định	21,500	21,500
27	Máy fax Panasonic KXFP701	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC028	Máy fax	2019	2,150,000	2,150,000	0	Bán chi định	51,600	51,600
28	máy fax shap	Cái	1	Phòng chuyên gia	CCDC138	Máy fax	2015	3,249,000	3,249,000	0	Bán chi định	51,600	51,600
29	Máy in	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC22	Máy in	2015	9,700,000	9,700,000	0	Bán chi định	65,600	65,600
30	Máy in	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	CCDC731	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
31	Máy in	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	CCDC729	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700

2/2

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thảm định	Thành tiền thảm định
32	Máy in	Cái	1	Khoa H	CCDC730	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
33	Máy in	Cái	1	Khoa H	CCDC733	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
34	Máy in	Cái	1	Khoa H	CCDC728	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
35	Máy in	Cái	1	Khoa H	CCDC732	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
36	Máy in	Cái	1	Khoa H	CCDC734	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
37	Máy in	Cái	1	Khoa Đ	CCDC727	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
38	Máy in	Cái	1	Khoa Đ	CCDC735	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
39	Máy in	Cái	1	Khoa cấp cứu	CCDC736	Máy in	2017	8,000,000	8,000,000	0	Bán chi định	72,700	72,700
40	Máy in 2 mặt HP	Cái	1	Trung tâm xét nghiệm_Khoa sinh hóa	CCDC11	Máy in	2015	6,900,000	6,900,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
41	Máy in 2 mặt HP	Cái	1	Phòng Tài vụ	CCDC15	Máy in	2015	6,900,000	6,900,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
42	Máy in 2 mặt HP	Cái	1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	CCDC10	Máy in	2015	6,900,000	6,900,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
43	Máy in Cannon	Cái	1	Nội soi	MIS0	Máy in	2015	2,160,000	2,160,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
44	Máy in Cannon	Cái	1	Nội soi	MIS1	Máy in	2015	2,384,000	2,384,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
45	Máy in canon	Cái	1	Phòng Tài vụ	CCDC100	Máy in	2015	3,025,000	3,025,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
46	Máy in canon	Cái	1	Phòng Tài vụ	CCDC96	Máy in	2015	2,920,000	2,920,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
47	Máy in canon	Cái	1	Phòng khám cán bộ	CCDC98	Máy in	2015	3,025,000	3,025,000	0	Bán chi định	43,100	43,100

2/2017

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
48	Máy in canon	Cái	1	Phòng chỉ đạo tuyến	CCDC111	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
49	Máy in canon	Cái	1	Phẫu thuật ngoại nhi	CCDC109	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
50	Máy in canon	Cái	1	Khoa xương	CCDC104	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
51	Máy in canon	Cái	1	Khoa Mắt	CCDC120	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
52	Máy in canon	Cái	1	Khoa Mắt	CCDC99	Máy in	2015	3,025,000	3,025,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
53	Máy in canon	Cái	1	Khoa Mắt	CCDC115	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
54	Máy in canon	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC119	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
55	Máy in canon	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC105	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
56	Máy in canon	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC107	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
57	Máy in canon	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC101	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
58	Máy in canon	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC113	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
59	Máy in canon	Cái	1	Khoa I	CCDC114	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
60	Máy in canon	Cái	1	Khoa hồi sức cấp cứu nội	CCDC106	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
61	Máy in canon	Cái	1	Khoa dược	CCDC116	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
62	Máy in canon	Cái	1	Khoa dược	CCDC103	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
63	Máy in canon	Cái	1	Khoa dược	CCDC110	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100

2/4

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
64	Máy in canon	Cái	1	Khoa dược	CCDC108	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
65	Máy in canon	Cái	1	Khoa dược	CCDC117	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
66	Máy in canon	Cái	1	Khoa dược	CCDC118	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
67	Máy in canon	Cái	1	Khoa đông y	CCDC97	Máy in	2015	3,025,000	3,025,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
68	Máy in canon	Cái	1	Khoa dinh dưỡng	CCDC102	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
69	Máy in canon	Cái	1	Khoa cấp cứu	CCDC112	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
70	Máy in đa chức năng Scan	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDCKTC02	Máy in	2017	5,680,000	5,680,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
71	Máy in Epson	Cái	1	Trung tâm xét nghiệm_Khoa vi sinh y học	MI52	Máy in	2015	2,744,000	2,744,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
72	Máy in HP	Cái	1	Khoa tăng cường nhi	CCDC28	Máy in	2015	6,900,000	6,900,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
73	Máy in HP	Cái	1	ĐN Thận nhân tạo	CCDC29	Máy in	2015	6,900,000	6,900,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
74	Máy in HP 402D	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDCKTC01	Máy in	2017	8,790,000	8,790,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
75	Máy in HP LaserJet Pro M402m Printer 1Y WTY	Cái	1	Phòng hành chính quản trị	CCDC1004	Máy in	2019	7,466,667	7,466,667	0	Bán chi định	43,100	43,100
76	Máy in HP LaserJet Pro M402m Printer 1Y WTY	Cái	1	Phòng hành chính quản trị	CCDC1008	Máy in	2019	7,466,667	7,466,667	0	Bán chi định	43,100	43,100
77	Máy in HP LaserJet Pro M402m Printer 1Y WTY	Cái	1	Khoa tăng cường nhi	CCDC982	Máy in	2019	7,466,667	7,466,667	0	Bán chi định	43,100	43,100
78	Máy in HP LaserJet Pro M402m Printer 1Y WTY	Cái	1	Khoa Nội I	CCDC991	Máy in	2019	7,466,667	7,466,667	0	Bán chi định	43,100	43,100
79	Máy in HP laser I300	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC003	Máy in	2019	6,500,000	6,500,000	0	Bán chi định	43,100	43,100

5

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
80	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5421	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
81	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5419	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
82	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5410	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
83	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5413	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
84	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5414	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
85	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5420	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
86	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI545	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
87	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5411	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
88	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI542	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
89	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5446	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
90	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI547	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
91	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5416	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
92	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5417	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
93	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI543	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
94	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5424	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
95	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI544	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chỉ định	43,100	43,100

2/2/2016

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
96	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI548	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
97	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5422	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
98	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5415	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
99	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5449	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
100	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI54	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
101	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5412	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
102	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5423	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
103	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI5418	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
104	Máy in HP O2055	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MI541	Máy in	2015	3,577,200	3,577,200	0	Bán chi định	43,100	43,100
105	Máy in Laser	Cái	2	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC025	Máy in	2019	2,467,500	4,935,000	0	Bán chi định	43,100	86,200
106	Máy in laser 1320	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC024	Máy in	2019	3,350,000	3,350,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
107	Máy in Laser Canon LBP 161DN+	chiếc	1	Phòng tổ chức cán bộ	CNTTCCDC2 I0045	Máy in	2021	5,600,000	5,600,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
108	Máy in Laser Canon LBP161DN+	Chiếc	1	Phòng mô	CNTTCCDC2 I0165	Máy in	2021	5,600,000	5,600,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
109	Máy in Laser Canon LBP161DN+	Chiếc	1	Phòng công nghệ thông tin	CNTTCCDC2 I0172	Máy in	2021	5,600,000	5,600,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
110	Máy in Laser Canon LBP161DN+	Chiếc	1	Khoa ngoại tiêu hóa	CNTTCCDC2 I0156	Máy in	2021	5,600,000	5,600,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
111	Máy in Laser HP LaserJet P2035	Cái	1	Phòng Tài vụ	CCDC837	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100

8/2/2021

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
112	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Phòng khám cán bộ	CCDC820	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
113	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Phòng khám cán bộ	CCDC832	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
114	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Phòng khám cán bộ	CCDC821	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
115	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Khoa tăng cường nhi	CCDC813	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
116	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	CCDC827	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
117	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Khoa dược	CCDC812	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
118	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Khoa Đ	CCDC822	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
119	Máy in Laser HP LaserJet p2035	Cái	1	Khoa bóng	CCDC814	Máy in	2018	5,485,000	5,485,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
120	Máy in Laser HP LaserJet Pro M402D	chiếc	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC865	Máy in	2018	7,100,000	7,100,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
121	Máy in Laser HP LaserJet Pro M402D	chiếc	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC868	Máy in	2018	7,100,000	7,100,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
122	Máy in Laser HP LaserJet Pro M402D	chiếc	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC866	Máy in	2018	7,100,000	7,100,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
123	Máy in Laser HP LaserJet Pro M402D	chiếc	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC867	Máy in	2018	7,100,000	7,100,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
124	Máy in Laser HP LaserJet Pro M402D	chiếc	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC864	Máy in	2018	7,100,000	7,100,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
125	máy in LASRJEET Canon1210	Cái	1	Phòng Tài vụ	CCDC94	Máy in	2015	2,883,000	2,883,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
126	máy in LASRJEET Canon1211	Cái	1	Khoa Khám bệnh (KB)	CCDC95	Máy in	2015	2,880,000	2,880,000	0	Bán chi định	43,100	43,100
127	Máy in lazer 1006	Cái	3	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC023	Máy in	2019	2,464,000	7,392,000	0	Bán chi định	43,100	129,300
128	Máy in lazer 1160	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC004	Máy in	2019	6,195,000	6,195,000	0	Bán chi định	43,100	43,100

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chủng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
129	Máy in lazer Cannon 3300	Cái	1	Phòng khám cân bộ	BBVCSSK_C CDC022	Máy in	2019	2,194,500	2,194,500	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
130	Máy in lazer HP 1200	Cái	1	Phòng khám cân bộ	BBVCSSK_C CDC005	Máy in	2019	6,521,843	6,521,843	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
131	Máy in màu	Cái	1	Nội soi	MI53	Máy in	2015	3,360,000	3,360,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
132	Máy in màu canon (S&A im)	Cái	1	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	MI55	Máy in	2015	4,544,000	4,544,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
133	Máy in màu Epson	Cái	1	Phòng chỉ đạo tuyến	MI 55	Máy in	2015	5,200,000	5,200,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
134	Máy in màu Epson L805	Cái	1	Phòng khám cân bộ	BBVCSSK_C CDC006	Máy in	2019	8,800,000	8,800,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
135	Máy in màu T60	Cái	1	Nội soi	CCDC691	Máy in	2016	5,150,000	5,150,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
136	Máy in phun Epson L385	Cái	1	Nội soi	CCDC849	Máy in	2018	6,990,000	6,990,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
137	Máy in phun Epson L385	Cái	1	Nội soi	CCDC854	Máy in	2018	6,990,000	6,990,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
138	Máy in phun Epson L385	Cái	1	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CCDC850	Máy in	2018	6,990,000	6,990,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
139	Máy in phun Epson L385	Cái	1	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CCDC858	Máy in	2018	6,990,000	6,990,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
140	Máy in phun Epson L385	Cái	1	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	CCDC851	Máy in	2018	6,990,000	6,990,000	0	Bán chỉ định	43,100	43,100
141	máy tính	Cái	1	Khoa PT tạo hình	MVT2501	Máy vi tính để bàn	2015	1,732,000	1,732,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
142	máy tính	Cái	1	Khoa PT tạo hình	MVT250	Máy vi tính để bàn	2015	1,732,000	1,732,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
143	máy tính	Cái	1	Khoa PT tạo hình	MVT2502	Máy vi tính để bàn	2015	1,732,000	1,732,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
144	Máy tính (DA Esther)	Cái	1	Trung tâm xét nghiệm_Khoa vi sinh y học	CCDC689	Máy vi tính để bàn	2016	9,799,000	9,799,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

7/2/2019

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chứng loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
145	Máy tính xách tay lenovo ideapad core i3	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDCKTC03	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2017	7,890,000	7,890,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
146	Máy tính xách tay lenovo ideapad core i3	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDCKTC04	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	2017	7,890,000	7,890,000	0	Bán chỉ định	46,000	46,000
147	Máy vi tính	Cái	1	Trung tâm xét nghiệm_Khoa Huyết học	MVT226	Máy vi tính để bàn	2015	7,880,000	7,880,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
148	Máy vi tính	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	MVT 114	Máy vi tính để bàn	2015	1,478,000	1,478,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
149	Máy vi tính	Cái	1	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC21	Máy vi tính để bàn	2015	8,613,000	8,613,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
150	Máy vi tính	Cái	1	Phòng Tài vụ	MVT2232	Máy vi tính để bàn	2015	5,880,000	5,880,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
151	Máy vi tính	Cái	1	Phòng Tài vụ	MVT2231	Máy vi tính để bàn	2015	5,880,000	5,880,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
152	Máy vi tính	Cái	1	Phòng Tài vụ	MVT223	Máy vi tính để bàn	2015	5,880,000	5,880,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
153	Máy vi tính	Bộ	2	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC001	Máy vi tính để bàn	2019	9,954,000	19,908,000	0	Bán chỉ định	61,900	123,800
154	Máy vi tính	Cái	1	Nội soi	MVT229	Máy vi tính để bàn	2015	7,840,000	7,840,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
155	Máy vi tính	Cái	1	Nội soi	MVT2291	Máy vi tính để bàn	2015	7,840,000	7,840,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
156	Máy vi tính (nguồn BHYT)	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC002	Máy vi tính để bàn	2019	7,535,000	7,535,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
157	Máy vi tính ĐNA	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MVT2201	Máy vi tính để bàn	2015	5,880,000	5,880,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
158	Máy vi tính ĐNA	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MVT2242	Máy vi tính để bàn	2015	7,888,000	7,888,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
159	Máy vi tính ĐNA	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MVT2241	Máy vi tính để bàn	2015	7,888,000	7,888,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
160	Máy vi tính ĐNA	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MVT224	Máy vi tính để bàn	2015	7,888,000	7,888,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900

2

20/10

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
161	Máy vi tính ĐNA	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MVT220	Máy vi tính để bàn	2015	5,880,000	5,880,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
162	máy vi tính G2020	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	MVT2254	Máy vi tính để bàn	2015	7,840,000	7,840,000	0	Bán chỉ định	61,900	61,900
163	Mic shure 959	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC074	Thiết bị âm thanh	2019	309,000	309,000	0	Bán chỉ định	35,800	35,800
164	Ti vi	Cái	2	Trung tâm kỹ thuật cao và tiêu hóa Hà Nội	CCDC05	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	8,900,000	17,800,000	0	Bán chỉ định	59,600	119,200
165	Ti vi 208	Cái	1	Phòng khám cán bộ	CCDC425	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	5,000,000	5,000,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
166	Ti vi LCK	Cái	1	Khoa Tai mũi họng	CCDC03	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	8,900,000	8,900,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
167	Ti vi samsung	Cái	1	Trung tâm xét nghiệm_Lấy Bệnh phẩm	CCDC695	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2016	5,700,000	5,700,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
168	Ti vi samsung	Cái	1	Trung tâm xét nghiệm_Lấy Bệnh phẩm	CCDC693	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2016	5,700,000	5,700,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
169	Ti vi samsung	Cái	1	Khoa nội tim mạch	CCDC692	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2016	5,700,000	5,700,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
170	Ti vi samsung	Cái	1	Khoa Nội 1	TV04	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	5,000,000	5,000,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
171	Ti vi samsung	Cái	1	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	CCDC694	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2016	5,700,000	5,700,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
172	Ti vi samsung	Cái	1	Khoa Hồi sức cấp cứu nội	TV03	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	5,272,000	5,272,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
173	Ti vi samsung cho nội tim mạch	Cái	1	Khoa Nội 1	CCDC04	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	8,700,000	8,700,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
174	Ti vi samsung LED	Cái	1	Khoa Đ	CCDC20	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	6,600,000	6,600,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
175	Ti vi SHAP	Cái	1	Phòng công nghệ thông tin	CCDC426	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	4,000,000	4,000,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600
176	Ti vi sharp	Cái	1	Phẫu thuật ngoại nhi	CCDC744	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2017	7,850,000	7,850,000	0	Bán chỉ định	59,600	59,600

11
11/2

STT	Tên CCDC	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã CCDC	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Đơn giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án thanh lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
177	Tivi sharp	Cái	1	Phẫu thuật ngoại nhi	CCDC742	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2017	7,850,000	7,850,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
178	Ti vi sharp	Cái	1	Phẫu thuật ngoại nhi	CCDC743	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2017	7,850,000	7,850,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
179	Ti vi SONY	Cái	1	Khoa tăng cường ngoại	CCDC430	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	3,500,000	3,500,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
180	Ti vi SONY	Cái	1	Khoa Nội 2	CCDC427	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	3,762,000	3,762,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
181	Ti vi treo nhà A1	Cái	1	Phòng Tai vụ	CCDC02	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	8,900,000	8,900,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
182	Tivi samsung	Cái	1	Khoa PT tạo hình	CCDC428	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	4,000,000	4,000,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
183	Tivi samsung	Cái	1	Khoa PT tạo hình	CCDC429	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2015	4,000,000	4,000,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
184	Tivi Sony 21"	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC019	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2019	3,900,000	3,900,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
185	Tivi Sony 21M80	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC010	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2019	5,100,000	5,100,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
186	Tivi Sony 25"	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC009	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2019	8,800,000	8,800,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
187	Tivi Sony 32"	Cái	1	Phòng khám cán bộ	BBVCSSK_C CDC011	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	2019	5,900,000	5,900,000	0	Bán chi định	59,600	59,600
TỔNG CCDC			199					1,047,796,511	1,138,576,011	0		9,434,400	10,118,500

8
2012

PHỤ LỤC III: DANH MỤC TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH DO PHÒNG CNTT QUẢN LÝ

(Kèm theo Thông báo ngày 23/12/2024)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/ban giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án xử lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
1	Phần mềm quản lý mã sản phẩm	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	9	Phần mềm ứng dụng	2011	20,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
2	Phần mềm QLXN Labcom - HHTM	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM10	Phần mềm ứng dụng	2011	60,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
3	Phần mềm QLXN Labcom - SH	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM09	Phần mềm ứng dụng	2011	80,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
4	Phần mềm quản lý chẩn đoán hình ảnh	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM12	Phần mềm ứng dụng	2012	99,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
5	Phần mềm quản lý phòng khám	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM11	Phần mềm ứng dụng	2012	99,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
6	Phần mềm quản lý XN (30%)	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM13	Phần mềm ứng dụng	2013	18,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
7	Hệ thống cấp số tự động	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM23	Phần mềm ứng dụng	2016	55,330,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
8	Hệ thống xếp hàng tự động	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM24	Phần mềm ứng dụng	2016	68,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
9	Phần mềm hệ thống xếp hàng	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM22	Phần mềm ứng dụng	2016	23,500,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
10	Phần mềm kết xuất số liệu thanh toán viện phí	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM18	Phần mềm ứng dụng	2016	68,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
11	Phần mềm nhận thông tin bệnh nhân làm XN và trả thông tin BN làm XN	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM20	Phần mềm ứng dụng	2016	47,750,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
12	Phần mềm rút số liệu báo cáo nội, ngoại trú, BHYT	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM21	Phần mềm ứng dụng	2016	75,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
13	Phần mềm thống kê chi phí nội trú theo khoa phòng điều trị của từng loại dịch vụ	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM15	Phần mềm ứng dụng	2016	20,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
14	Phần mềm thống kê viện phí dịch vụ theo phòng khám và theo người chi định	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM16	Phần mềm ứng dụng	2016	15,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
15	Phần mềm xếp hàng tự động	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM17	Phần mềm ứng dụng	2016	16,000,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
16	Phần mềm đọc mã vạch 2D	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM19	Phần mềm ứng dụng	2016	62,500,000		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
17	Phần mềm đọc thẻ Master	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM25	Phần mềm ứng dụng	2016	31,869,981		0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	

2025

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bàn giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án xử lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
18	Phần mềm đọc thẻ Master	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM26	Phần mềm ứng dụng	2016	31,869,981	31,869,981	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
19	Phần mềm đọc thẻ Master	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM27	Phần mềm ứng dụng	2016	31,869,982	31,869,982	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
20	Phần mềm cho gói cân lâm sàng	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM33	Phần mềm ứng dụng	2017	45,000,000	45,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
21	Phần mềm chuyển tuyến	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK665	Phần mềm ứng dụng	2017	25,000,000	25,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
22	Phần mềm hạch toán khoa phòng cho bệnh viện	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM42	Phần mềm ứng dụng	2017	99,000,000	99,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
23	Phần mềm in hóa đơn điện tử	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM38	Phần mềm ứng dụng	2017	99,000,000	99,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
24	Phần mềm medisoft chạy trên hệ điều hành win 7	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM31	Phần mềm ứng dụng	2017	76,500,000	76,500,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
25	Phần mềm nhà thuốc	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM37	Phần mềm ứng dụng	2017	43,000,000	43,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
26	Phần mềm phát số cho phòng khám cho bệnh viện	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK667	Phần mềm ứng dụng	2017	98,000,000	98,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
27	Phần mềm quản lý lương cán bộ nhân viên trong bệnh viện	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM41	Phần mềm ứng dụng	2017	58,000,000	58,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
28	Phần mềm quản lý phòng, giường	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM39	Phần mềm ứng dụng	2017	96,000,000	96,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
29	Phần mềm quản lý từ máu cho huyết học	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM40	Phần mềm ứng dụng	2017	75,000,000	75,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
30	Phần mềm rút số liệu báo hiểm y tế đăng lên cổng BHYT	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM36	Phần mềm ứng dụng	2017	38,000,000	38,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
31	Phần mềm thống kê thu chi	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM29	Phần mềm ứng dụng	2017	55,000,000	55,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
32	Phần mềm tích hợp mã vạch	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM30	Phần mềm ứng dụng	2017	70,000,000	70,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
33	Phần mềm ứng dụng tự động	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM35	Phần mềm ứng dụng	2017	58,000,000	58,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
34	Phần mềm xếp hàng tự động	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM32	Phần mềm ứng dụng	2017	69,020,000	69,020,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
35	Phần mềm xếp hàng tự động theo số thứ tự chẩn	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	TBK666	Phần mềm ứng dụng	2017	25,000,000	25,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	

22/10/2015

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Khoa/Phòng sử dụng	Mã TSCĐ	Chung loại tài sản	Năm đưa vào sử dụng/bán giao	Nguyên giá theo SSKT	Thành tiền	Giá trị còn lại theo SSKT	Phương án xử lý	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định
36	Hệ thống xếp hàng tự động CDHA	PM	1	Phòng ban: Khoa Chẩn đoán hình ảnh	TBK657	Phần mềm ứng dụng	2017	52,340,000	52,340,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
37	Phần mềm hệ thống xếp hàng X-Quang	PM	1	Phòng ban: Khoa Chẩn đoán hình ảnh	TBK658	Phần mềm ứng dụng	2017	19,000,000	19,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
38	Modul phần mềm xuất hóa đơn, báo cáo BHYT mẫu 41.79 có bổ số thứ tự theo	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM45	Phần mềm ứng dụng	2018	88,000,000	88,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
39	Modul xét nghiệm và modul chuẩn đoán hình ảnh	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM44	Phần mềm ứng dụng	2018	85,000,000	85,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
40	Modul xuất số liệu và ub biểu 01 BHYT theo QĐ 4210	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM46	Phần mềm ứng dụng	2018	96,000,000	96,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
41	Module phần mềm Medisoft phục vụ báo cáo sự cố y khoa	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM47	Phần mềm ứng dụng	2018	96,000,000	96,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
42	Phần mềm xuất hóa đơn nhà thuốc theo định dạng XML	PM	1	Phòng ban: Chi phí bệnh viện	PM43	Phần mềm ứng dụng	2018	96,000,000	96,000,000	0	Hủy	Không có giá trị thu hồi	
TỔNG TSCĐ VÔ HÌNH			42					2,484,549,944	2,484,549,944	0			



2/2023